

## **BÁO CÁO**

### **Thực hiện công tác Cải cách hành chính năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022 của tỉnh Quảng Bình**

Thực hiện Công văn số 6459/BNV-CCHC ngày 07/12/2020 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xây dựng báo cáo cải cách hành chính (CCHC) định kỳ năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022 như sau:

#### **I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

##### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC**

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch CCHC tỉnh năm 2021 và nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC<sup>1</sup>. Đặc biệt, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025, tỉnh Quảng Bình xác định công tác CCHC là một trong bốn chương trình hành động trọng tâm đột phá nhằm đẩy mạnh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh giai đoạn 2020-2025. Trên cơ sở chương trình hành động của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch để cụ thể hóa Chương trình hành động, tổ chức Hội nghị quán triệt thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh<sup>2</sup>.

Ngày 03/3/2021, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đã có buổi làm việc với các cơ quan liên quan về công tác CCHC, chỉ đạo thực hiện các mục tiêu CCHC đã đề ra, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh nhằm tạo bước đột phá và thu hút các nguồn lực đầu tư vào tỉnh.

UBND tỉnh đã có Quyết định thành lập Ban chỉ đạo CCHC tỉnh Quảng Bình; Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo<sup>3</sup>. Ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai

<sup>1</sup> Quyết định số 4797/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Bình năm 2021; Quyết định số 3028/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 về việc công bố chỉ số CCHC cấp sở, ban, ngành và cấp huyện trên địa bàn tỉnh năm 2020...

<sup>2</sup> Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 09/12/2020 của Tỉnh ủy; Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 09/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh CCHC và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh giai đoạn 2021-2025

<sup>3</sup> Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND tỉnh Quyết định về việc thành lập Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 124/BCĐ ngày 10/9/2021 ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh Quảng Bình.

đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh<sup>4</sup>; Công văn số 810/UBND-NCVX ngày 20/5/2021 triển khai thực hiện Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị trực tuyến tổng kết Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 và xây dựng Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 theo Thông báo số 64/TB-VPCP ngày 27/3/2021 của Văn phòng Chính phủ; Báo cáo phục vụ đoàn kiểm tra CCHC năm 2021 của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ,...

Triển khai xác định Chỉ số CCHC (PAR Index) năm 2020, UBND tỉnh đã thành lập Hội đồng tự chấm điểm và báo cáo Bộ Nội vụ kết quả tự chấm điểm Chỉ số CCHC tỉnh năm 2020. Sau khi Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ công bố kết quả các chỉ số, UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị đánh giá và bàn các giải pháp nâng cao chỉ số CCHC; chỉ số hài lòng của tổ chức, cá nhân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh; ban hành Kế hoạch<sup>5</sup> để phân công trách nhiệm thực hiện; ban hành Công văn số 1719/UBND-KSTT ngày 30/8/2021 yêu cầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố chấn chỉnh, cải thiện các chỉ số thành phần về thủ tục hành chính trong các Bộ chỉ số CCHC,...

Tiếp tục đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá CCHC, đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia đánh giá CCHC và đo lường sự hài lòng của người dân trên phần mềm hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh. Chỉ đạo Sở Nội vụ ký kết chương trình phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh về việc thực hiện đo lường chỉ số hài lòng của người dân trong tổ chức tuyên truyền và vận động người dân tham gia giám sát, phản hồi ý kiến về chất lượng dịch vụ công.

Trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm đã được xác định, UBND tỉnh phân công trách nhiệm và chỉ đạo các sở, ngành có liên quan<sup>6</sup> căn cứ chức năng, nhiệm vụ để hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch CCHC và các kế hoạch theo lĩnh vực, phù hợp với tình hình thực tiễn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương để tổ chức thực hiện.

UBND tỉnh đã chỉ đạo bố trí công chức chuyên trách CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương để thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Hiện tại, đã bố trí 03 biên chế công chức chuyên trách CCHC tại phòng CCHC thuộc Sở Nội vụ và 08 biên chế công chức chuyên trách CCHC tại phòng Nội vụ thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố. Tại các sở, ban, ngành đã bố trí công chức chuyên trách CCHC, một số ngành thực hiện bố trí kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ theo dõi, tham mưu công tác CCHC.

<sup>4</sup> Công văn số 2135/UBND/NC-VX ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh.

<sup>5</sup> Kế hoạch số 1886/KH-UBND ngày 10/9/2021 về cải thiện và nâng cao Chỉ số CCHC (PAR INDEX); Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) tỉnh Quảng Bình năm 2021 và các năm tiếp theo

<sup>6</sup> Các sở: Nội vụ, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư.

UBND tỉnh đã bố trí kinh phí cho công tác CCHC năm 2021 gồm kinh phí chỉ đạo, điều hành CCHC, kinh phí phục vụ điều tra xã hội học xác định chỉ số CCHC cấp sở, ban, ngành, cấp huyện; kinh phí tổ chức cuộc thi trực tuyến tìm hiểu công tác CCHC năm 2021; kinh phí xây dựng bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; đầu tư mua sắm các trang thiết bị hệ thống công nghệ thông tin, xây dựng phần mềm ứng dụng phục vụ cho công tác lãnh đạo, quản lý, hoạt động CCHC ở địa phương,...

## 2. Công tác kiểm tra CCHC

Công tác kiểm tra CCHC được thực hiện thường xuyên và liên tục, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch kiểm tra CCHC năm 2021 tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; Quyết định thành lập đoàn kiểm tra liên ngành công tác CCHC năm 2021<sup>7</sup> với thành phần gồm các Sở: Nội vụ, Tư Pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ; nội dung kiểm tra trên tất cả 6 nhiệm vụ trọng tâm. Trên cơ sở vừa kiểm tra, vừa hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về CCHC; đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra và có thông báo kết luận đối với 10/10 cơ quan, đơn vị, địa phương theo kế hoạch, đánh giá thực chất những mặt đạt được và chỉ ra được tồn tại, hạn chế của công tác CCHC tại cơ sở, từ đó kịp thời chấn chỉnh, sửa đổi nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả chỉ đạo, phối hợp triển khai công tác CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã xây dựng kế hoạch kiểm tra tại các đơn vị trực thuộc, có báo cáo gửi về Sở Nội vụ để theo dõi như: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND huyện Quảng Ninh,...

## 3. Tuyên truyền CCHC

Công tác tuyên truyền CCHC được UBND tỉnh duy trì thường xuyên trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Bình, Báo Quảng Bình, bám sát các nội dung theo Kế hoạch năm 2021<sup>8</sup>, định kỳ mỗi tháng phát sóng 01 chuyên mục, phóng sự và đưa 01 tin, bài về CCHC.

Để tăng cường công tác tuyên truyền CCHC sâu rộng hơn đến người dân, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, UBND tỉnh đã tổ chức cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu công tác CCHC” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm 2021<sup>9</sup>. Cuộc thi nhận được sự hưởng ứng của đông đảo cán bộ, công chức, viên chức, các doanh nghiệp, người dân trong và ngoài tỉnh. Sau khi kết thúc 02 đợt thi, đã có 24.460 người đăng ký tham gia với 176.902 lượt thi, trong đó có 22 cá nhân và 14 tập thể đạt giải. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có số lượng cán bộ, công chức, người dân tham gia nhiều như: Sở Giáo dục và Đào tạo, Công an tỉnh, Cục Thuế Quảng Bình; UBND các huyện: Quảng Ninh, Lệ Thủy,

<sup>7</sup> Kế hoạch số 668/KH-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh về kiểm tra công tác CCHC năm 2021 tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 về việc thành lập đoàn kiểm tra công tác CCHC năm 2021.

<sup>8</sup> Kế hoạch số 39/KH-SNV ngày 11/01/2021 về tuyên truyền CCHC năm 2021.

<sup>9</sup> Kế hoạch số 1123/KH-UBND ngày 29/6/2021 của UBND tỉnh về tổ chức cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu công tác CCHC” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm 2021; Quyết định số 2158/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 thành lập Ban Tổ chức cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu công tác CCHC” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm 2021.

Quảng Trạch...

Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động xây dựng Kế hoạch tuyên truyền CCHC bằng nhiều hình thức khác nhau như đăng tải các bài viết trên trang thông tin điện tử, thông qua Đài phát thanh - Truyền hình, Báo chí của Trung ương và địa phương, tại các Hội nghị, hội thảo<sup>10</sup> ...

#### 4. Về trách nhiệm của người đứng đầu trong triển khai công tác CCHC

Thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách TTHC, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 28/12/2017 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác CCHC; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 926/KH-UBND ngày 10/8/2015 về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách TTHC. Trong đó, quy định rõ trách nhiệm của thủ trưởng các sở, ban, ngành chuyên môn, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện trong triển khai thực hiện nhằm đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cải cách hành chính và kiểm soát TTHC.

UBND tỉnh đã phân công đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành công tác CCHC của tỉnh; các cơ quan, đơn vị, địa phương giao trách nhiệm cho người đứng đầu trực tiếp phụ trách, lãnh đạo, chỉ đạo công tác CCHC. Kết quả thực hiện công tác CCHC (được đánh giá qua Chỉ số CCHC các năm) tại các sở, ban, ngành, UBND các cấp là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá năng lực của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương hàng năm.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục chỉ đạo việc thực hiện Quy định số 01-QĐ/TU ngày 03/3/2016 về trách nhiệm và xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao<sup>11</sup>. Kết quả 100% lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai thực hiện ký cam kết về trách nhiệm và xử lý trách nhiệm người đứng đầu trong chỉ đạo thực thi công vụ. Đối với cán bộ, công chức, viên chức được bổ nhiệm, điều động đảm nhiệm các chức

<sup>10</sup> Sở Công Thương tổ chức tuyên truyền qua bài viết trên Trang thông tin điện tử của sở; trong các bản tin, bài viết, chuyên mục “Công Thương Quảng Bình” trên sóng Đài Phát thanh Truyền hình Quảng Bình, Báo Quảng Bình. UBND thị xã Ba Đồn đã phối hợp với Báo Quảng Bình thực hiện chuyên mục tuyên truyền CCHC trên Báo Quảng Bình với nội dung “Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thị xã Ba Đồn”; thực hiện 47 tin, bài, chuyên mục tuyên truyền về CCHC trên địa bàn thị xã; UBND huyện Lệ Thủy đã chỉ đạo Đài Truyền thanh – Truyền hình huyện phát sóng 55 tin, 15 bài, 02 phóng sự về CCHC...

<sup>11</sup> Tỉnh đã tổ chức cho người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị ký cam kết với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, với cấp trên trực tiếp trên hai phương diện: Trách nhiệm bản thân (về tư tưởng chính trị; về phẩm chất đạo đức, lối sống; về thực hiện chức trách, nhiệm vụ; về ý thức tổ chức kỷ luật) và trách nhiệm trong lãnh đạo, quản lý, điều hành cơ quan, đơn vị với các tiêu chí cụ thể, trong đó có tiêu chí về thực hiện CCHC tại đơn vị. Hằng năm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành bỏ phiếu kín để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với người đứng đầu; tiến hành miễn nhiệm, điều chuyển hoặc phân công công tác khác đối với cán bộ có 1/3 số phiếu trở lên đánh giá ở mức không hoàn thành nhiệm vụ...

3

Jm

vụ lãnh đạo quản lý đều phải thực hiện ký cam kết trong thực hiện chức trách nhiệm vụ trên cương vị công tác mới.

## II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN CÁC LĨNH VỰC

### 1. Cải cách thể chế

#### 1.1. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật

UBND tỉnh đã ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật<sup>12</sup>. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản QPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 43/CT-TTg ngày 11/12/2020 về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật; chỉ đạo Sở Tư pháp và các cơ quan được giao soạn thảo văn bản QPPL chủ động phối hợp chặt chẽ ngay từ khâu lập đề nghị, soạn thảo, lấy ý kiến góp ý đến việc tổ chức thẩm định, đảm bảo có chất lượng, tiến độ.

Trong năm 2021<sup>13</sup>, Sở Tư pháp đã thẩm định 69 dự thảo văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của UBND và văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND do UBND trình (đạt 100%)<sup>14</sup>; góp ý 48 dự thảo văn bản QPPL của địa phương và 16 văn bản QPPL của Trung ương. Nhìn chung, công tác xây dựng, thẩm định, góp ý văn bản QPPL được triển khai kịp thời, nề nếp, chuyên sâu, toàn diện hơn, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính khả thi. Qua công tác thẩm định đã chú trọng đến việc cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ về ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025; kiểm soát chặt chẽ việc quy định điều kiện đầu tư kinh doanh, TTHC trên tinh thần cắt giảm chi phí tuân thủ pháp luật.

Từ ngày 15/12/2020 - 14/12/2021, HĐND và UBND tỉnh đã ban hành 61 văn bản QPPL (trong đó 11 Nghị quyết và 50 Quyết định) để thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương trên các lĩnh vực.

#### 1.2. Kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật

<sup>12</sup> Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 ban hành Chương trình xây dựng văn bản QPPL của UBND tỉnh năm 2021; Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 ban hành danh mục văn bản quy định chi tiết thi hành các Luật được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 10; Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 27/4/2021 Triển khai thực hiện Kết luận số 83-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW về Chiến lược xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 04/01/2021 về kiểm tra, rà soát văn bản QPPL năm 2021; Kế hoạch số 610/KH-UBND ngày 20/4/2021 rà soát văn bản QPPL theo chuyên đề cải cách TTHC; Công văn số 37/UBND-NC ngày 11/01/2021 triển khai thực hiện Chỉ thị số 43/CT-TTg ngày 11/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật; Công văn số 67/UBND-NC ngày 14/01/2021 chấn chỉnh công tác xây dựng pháp luật; Công văn số 670/UBND-NC ngày 29/4/2021 thực hiện chỉ số cải cách thể chế và chỉ số cải thiện các quy định của pháp luật; Công văn số 1555/UBND-NCVX ngày 16/8/2021 nâng cao chất lượng xây dựng văn bản QPPL...

<sup>13</sup> Số liệu tính từ 01/01/2021 đến ngày 14/12/2021

<sup>14</sup> Thẩm định 23 dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; 46 dự thảo Quyết định của UBND tỉnh.

UBND tỉnh đã tiến hành tự kiểm tra các văn bản ban hành; chỉ đạo các sở, ban, ngành kịp thời rà soát các văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước theo Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 04/01/2021 của UBND tỉnh về công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL năm 2021 nhằm tạo môi trường pháp lý công khai, minh bạch, hành lang pháp lý vững chắc, góp phần huy động, khai thác có hiệu quả các nguồn lực để thu hút đầu tư, phát triển hạ tầng đồng bộ, phát triển kinh tế - xã hội.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 610/KH-UBND ngày 20/4/2021 về rà soát văn bản QPPL theo chuyên đề cải cách TTHC. Đây được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa quan trọng, tạo tiền đề để triển khai thực hiện có hiệu quả công tác CCHC và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong năm 2021 và các năm tiếp theo. Qua rà soát đã kịp thời kiến nghị, đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế những văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực, quy định không rõ ràng, không cụ thể, thiếu tính khả thi, cản trở điều kiện kinh doanh, gây khó khăn hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Năm 2021, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp giúp UBND tỉnh kiểm tra 44 văn bản QPPL; kiểm tra theo thẩm quyền 11 văn bản QPPL. Thực hiện rà soát 196 văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành<sup>15</sup>. Trên cơ sở kết quả rà soát, đã chỉ đạo các sở, ngành có liên quan tham mưu xử lý (sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ) đối với 45 văn bản. Đến nay, các sở, ngành đã tham mưu xử lý 100% văn bản được kiến nghị xử lý.

### *1.3. Theo dõi tình hình thi hành pháp luật*

UBND tỉnh đã ban hành các văn bản để chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật<sup>16</sup>; chỉ đạo Sở Tư pháp phối hợp với các sở, ngành tập trung triển khai thi hành các văn bản pháp luật của Trung ương. Qua quá trình thi hành, tổng hợp những quy định vướng mắc, mâu thuẫn, chồng chéo, khó thi hành trên thực tế, cản trở hoạt động đầu tư, kinh doanh và đời sống, xã hội, đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung. Trong đó, đã kiến nghị xử lý đối với 17 nội dung liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh; rà soát, nhận diện các tồn tại, hạn chế của quy định pháp luật trước tác động của đại dịch Covid-19; kiến nghị sửa đổi, bổ sung 05 nội dung liên quan đến các quy định của pháp luật trong việc phòng, chống dịch bệnh và dịch bệnh Covid - 19; kiến nghị xử lý các nội dung liên quan đến các lĩnh vực khác<sup>17</sup>.

<sup>15</sup> Lĩnh vực liên quan đến hiệp định EVFTA: 17 văn bản; tư pháp: 11 văn bản; kế hoạch và đầu tư: 09 văn bản, giao thông vận tải: 08 văn bản; khoa học và công nghệ: 07 văn bản; giá, công sản và quản lý ngân sách: 62 văn bản; bảo vệ môi trường: 05 văn bản; giáo dục và đào tạo: 11 văn bản; lao động, thương binh và xã hội: 10 văn bản; ngoại vụ: 04 văn bản; chuyên đề cải cách TTHC: 52 văn bản.

<sup>16</sup> Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 05/01/2021 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2021; Kế hoạch số 770/KH-UBND ngày 14/5/2021 kiểm tra công tác theo dõi thi hành pháp luật, việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2021; Công văn số 345/UBND-NC ngày 11/3/2021 thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trọng tâm theo Quyết định số 49/QĐ-TTg ngày 13/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>17</sup> 07 nội dung liên quan đến pháp luật về đấu giá tài sản, 08 nội dung liên quan đến lĩnh vực đất đai, 03 nội dung liên quan đến an toàn vệ sinh thực phẩm, 07 nội dung liên quan đến việc thi hành Luật Hợp tác xã, 31 nội dung

#### 1.4. Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia

Đã cập nhật đầy đủ, kịp thời 61/61 văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành và HĐND tỉnh thông qua lên Cơ sở dữ liệu quốc gia.

#### 1.5. Phổ biến, giáo dục pháp luật

UBND tỉnh đã chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức khác nhau để kịp thời phổ biến các văn bản pháp luật mới ban hành, các văn bản liên quan thiết thực đến nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương và đời sống của cán bộ và Nhân dân, đặc biệt đã kịp thời tuyên truyền các văn bản, biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 và thực hiện có hiệu quả đợt cao điểm phổ biến, tuyên truyền pháp luật bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026<sup>18</sup>. Đổi mới mạnh mẽ, tập trung ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội vào công tác PBGDPL; chú trọng lựa chọn hình thức PBGDPL phù hợp với từng đối tượng, địa bàn, quan tâm hướng về cơ sở, các địa bàn trọng điểm về vi phạm pháp luật; quan tâm, đối tượng đặc thù. Nội dung tuyên truyền phù hợp, chú trọng tuyên truyền các văn bản pháp luật mới ban hành<sup>19</sup>.

UBND tỉnh đã thực hiện tổng kết Chương trình PBGDPL ban hành kèm theo Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 25/5/2017. Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh đã tổ chức 02 Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật về Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND và biên giới, hải đảo; Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh thực hiện phóng sự “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL tại tỉnh Quảng Bình”.

Năm 2021, đã tổ chức 08 hội nghị, lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, cán bộ và Nhân dân ở cơ sở trên địa bàn tỉnh; thực hiện 24 chuyên mục “Pháp luật và Đời sống” trên Đài Phát thanh truyền hình Quảng Bình và chuyên mục PBGDPL luật đăng trên Báo Quảng Bình; in ấn và cấp phát hơn 104.025 tài liệu tuyên truyền; hỗ trợ Hội

---

liên quan đến việc thi hành các luật, bộ luật về hoạt động tổ tụng, 05 nhóm vấn đề liên quan đến thi hành pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, 03 nội dung vướng mắc liên quan đến thi hành các nghị định của Chính phủ về quản lý của khâu, đất liền....

<sup>18</sup> Tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND” thu hút 37.949 lượt thí sinh tham gia và nhiều hình thức phổ biến, tuyên truyền phong phú, đa dạng khác như: Tổ chức Hội nghị Báo cáo viên pháp luật Quý I/2021 với nội dung phổ biến, quán triệt Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 và các nội dung hướng dẫn công tác tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; biên soạn, in ấn, phát hành 20.000 Tờ gấp “Tìm hiểu một số quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015” và 1.500 cuốn Bản tin Tư pháp số Chuyên đề về bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND cấp phát cho địa phương cơ sở; biên soạn, ghi âm tài liệu tuyên truyền về bầu cử để các huyện, thị xã, thành phố phát trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở. Đăng tải các nội dung pháp luật về bầu cử trên Facebook: Phổ Biến Pháp Luật (Quảng Bình) và Fanpage: PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT - Quảng Bình của Sở Tư pháp. Mở chuyên mục Chào mừng Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND trên Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp Quảng Bình.

<sup>19</sup> Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020; Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2020; Luật Thanh niên năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều năm 2020; Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật Đầu tư năm 2020; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội...

Liên hiệp phụ nữ tỉnh trên 100 đầu sách, tài liệu để xây dựng tủ sách pháp luật tại các xã biên giới; đăng tải nhiều lượt tin, bài trên Trang thông tin điện tử; Facebook, Fanpage, Zalo: Phổ Biến Pháp Luật Quảng Bình; hàng tháng, cung cấp tài liệu tuyên truyền trên loa truyền thanh ở cơ sở. Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh đã tổ chức 02 đoàn kiểm tra công tác tuyên truyền PBGDPL; hoà giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại UBND các huyện: Quảng Ninh, Tuyên Hóa, Bố Trạch, Quảng Trạch.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính**

Để tiếp tục triển khai, cụ thể hóa các nhiệm vụ cải cách TTHC trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 5106/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC tỉnh Quảng Bình năm 2021 và các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện các giải pháp cải cách TTHC.

### *2.1. Công bố, công khai thủ tục hành chính*

Từ ngày 15/12/2020 - 14/12/2021, UBND tỉnh đã ban hành 96 Quyết định công bố 982 TTHC, trong đó: công bố mới: 418, sửa đổi, bổ sung: 157, bãi bỏ: 402. Tính đến nay, tổng số TTHC đang có hiệu lực thi hành được UBND tỉnh công bố và tổ chức công khai là 1.976 thủ tục. (Bao gồm: cấp tỉnh có: 1.537 thủ tục, cấp huyện có: 250 thủ tục, cấp xã có: 189 thủ tục).

Ngay sau khi được công bố, các TTHC đã được cập nhật kịp thời lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC. Đồng thời được kết nối, tích hợp, đồng bộ hoá về Cổng Dịch vụ công, Hệ thống Thông tin một cửa điện tử, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện.

Bên cạnh đó, 100% cơ quan trực tiếp giải quyết TTHC đã niêm yết công khai dưới 02 hình thức là Bảng niêm yết và Sổ hướng dẫn TTHC. Ngoài ra, tại Trung tâm Hành chính công tỉnh và các Trung tâm giao dịch một cửa cấp huyện, các TTHC còn được công khai trên màn hình điện tử.

### *2.2. Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính*

Trong năm 2021, đã chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành tổ chức rà soát và đề xuất đơn giản hoá 05 TTHC trong lĩnh vực Du lịch, Giao thông vận tải. UBND tỉnh có văn bản kiến nghị hoặc giao các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền.

Đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai tổ chức rà soát, đánh giá và đề xuất phương án phân cấp cơ quan giải quyết các TTHC theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và bộ, cơ quan ngang bộ có liên thông với địa phương; TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện trên cơ sở các TTHC đã được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia (CSDL) về TTHC.

Ngày 20/4/2021, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 610/KH-UBND về việc rà soát văn bản QPPL theo chuyên đề cải cách TTHC nhằm kịp thời phát hiện những TTHC, quy định có liên quan đến TTHC không cần thiết, không hợp lý,

không hợp pháp, từ đó có biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị HĐND tỉnh xử lý đảm bảo phù hợp, thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; góp phần cải thiện chỉ số cải cách thể chế, cải cách TTHC, cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Một số sở, ban, ngành đã chủ động ban hành Kế hoạch rà soát theo chuyên đề, nhóm TTHC theo lĩnh vực phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị mình<sup>20</sup>.

Bên cạnh đó, các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị trực thuộc tiếp tục thực hiện rút ngắn tối thiểu 10% thời gian giải quyết TTHC so với thời hạn pháp luật quy định nhằm tạo thuận lợi cho cá nhân, nhà đầu tư, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện...<sup>21</sup>

Thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh cải cách TTHC trên một số lĩnh vực trọng tâm có liên quan đến doanh nghiệp và người dân như: Thuế, kho bạc, hải quan, đất đai, nông nghiệp, nông thôn, ứng dụng công nghệ thông tin, khởi nghiệp, phát triển du lịch, tiếp cận tín dụng, bảo hiểm xã hội, chính sách đối với người có công, tư pháp, hộ tịch...UBND tỉnh đã giao Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan rà soát bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, kịp thời tìm ra những TTHC còn vướng mắc, rườm rà để tham mưu cấp có thẩm quyền cắt giảm, sửa đổi, đơn giản hóa...Cụ thể:

- Đối với lĩnh vực đất đai: Một trong những giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải quyết hồ sơ đó là thường xuyên rà soát, rút ngắn thời gian giải quyết nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho các tổ chức và hộ gia đình sớm nhận được kết quả. Cụ thể: các TTHC về đất đai thực hiện cắt giảm theo quy định tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; áp dụng 100% TTHC về đất đai vào hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, nên có một số TTHC áp dụng tại cấp tỉnh đã được rút ngắn thời gian giải quyết từ 01 đến 03 ngày làm việc so với quy định.

- Đối với lĩnh vực Thuế: Cục Thuế tỉnh đã phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện cơ chế “một cửa liên thông” trong việc cấp đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và chứng nhận con dấu cho doanh nghiệp; thống nhất áp dụng mã số thuế giữa cơ quan Hải quan, Bảo hiểm xã hội tỉnh và cơ quan thuế; thống nhất mã số đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế còn một mã số doanh nghiệp duy nhất theo cơ chế một cửa liên thông, từ đó rút ngắn được thời gian cấp mã số thuế. Đồng thời thực hiện cắt giảm thành phần hồ sơ rút ngắn thời hạn giải quyết nhiều TTHC và cam kết rút ngắn 10% thời gian hẹn trả kết quả giải quyết TTHC so với thời gian được pháp luật quy định.

- Đối với các TTHC liên quan đến bảo hiểm xã hội: Triển khai kịp thời việc cắt giảm các thủ tục hành chính theo quy định, hướng dẫn của BHXH Việt Nam; năm 2019 có 27 thủ tục thì đến nay giảm xuống còn 25 thủ tục. Đồng thời, thành

<sup>20</sup> Cụ thể: Ban Quản lý Khu kinh tế ban hành Kế hoạch số 505/KH-KKT ngày 27/4/2021...

<sup>21</sup> Cụ thể các đơn vị: Sở Tư pháp, Ban Quản lý Khu kinh tế...




phần hồ sơ, tiêu thức, quy trình, thao tác thực hiện TTHC cũng được cắt giảm đáng kể. Đến nay giảm 21,42% biểu mẫu; 39,2% tiêu thức; 8,11% quy trình, thao tác thực hiện và 19,7% thành phần hồ sơ. Đặc biệt để phục vụ đối tượng ngày càng tốt hơn, BHXH tỉnh đã tăng năng suất và cường độ lao động để giảm hơn 10% thời gian giải quyết các TTHC so với quy định của BHXH Việt Nam, trong đó cấp lại thẻ BHYT do hỏng, mất thẻ, rút ngắn từ 01 ngày làm việc xuống còn 02 giờ, cấp lại thẻ BHYT do điều chỉnh thông tin rút ngắn từ 03 ngày làm việc xuống còn 04 giờ.

- Đối với lĩnh vực du lịch: Được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn, giai đoạn 2021-2025; đã trình HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với phát triển du lịch giai đoạn 2021- 2025, trong đó tập trung vào việc phát triển đường bay mới, hỗ trợ đầu tư các khu du lịch, các sản phẩm du lịch mới, công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nhân lực du lịch...Hiện nay, tỉnh đang nghiên cứu ban hành quy định về thủ tục thẩm định các dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí thực hiện theo hình thức cho thuê môi trường rừng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp; trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 về giảm phí tham quan danh lam thắng cảnh các sản phẩm du lịch trên địa bàn tỉnh năm 2022.

### *2.3. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và việc thực hiện quy định hành chính*

Trong 2021, toàn tỉnh đã tiếp nhận được 70 phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức (trong đó, tiếp nhận tại Văn phòng UBND tỉnh: 56 trường hợp; tại các cơ quan, đơn vị, địa phương: 14 trường hợp). Tất cả các phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận đều đã phân công cơ quan có thẩm quyền xử lý đúng theo quy định của pháp luật và đã được đăng tải công khai trên Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

### *2.4. Giải quyết thủ tục hành chính*

Trong năm 2021, số lượng hồ sơ được tiếp nhận trên toàn tỉnh là 289.972 hồ sơ (bao gồm: tiếp nhận trực tuyến: 2.554 hồ sơ; tiếp nhận trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 269.382 hồ sơ; số tiếp nhận từ kỳ trước chuyển sang: 18.036 hồ sơ); trong đó tỷ lệ hồ sơ đúng hạn đã giải quyết chiếm 94,4%; tỷ lệ hồ sơ đang giải quyết trong hạn chiếm 5,1%; tỷ lệ hồ sơ quá hạn chiếm 0,5%.

### *2.5. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông*

- Trên cơ sở triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại 3 cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP (bao gồm 151/151 xã, phường, thị trấn và 100% đơn vị cấp huyện thực hiện một cửa liên thông hiện đại; 100% sở, ngành thực hiện cơ chế một cửa), UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai Hệ thống thông tin một cửa điện tử tại 100% đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Theo đó, tổng số TTHC được triển khai tại Bộ phận một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn toàn tỉnh là 1.946 thủ

tục<sup>22</sup> (Các TTHC không thực hiện tại Bộ phận một cửa, một cửa liên thông các cấp là những TTHC đặc thù, TTHC thực hiện lưu động theo quy định tại Điểm a và b Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ). Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai hiệu quả việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo đúng mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong năm 2021, đã chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với các sở ban, ngành và UBND cấp huyện tiếp tục triển khai xây dựng và phê duyệt hoặc trình UBND tỉnh phê duyệt sửa đổi, bổ sung ban hành 53 quyết định phê duyệt 462 quy trình dịch vụ công trực tuyến.

Việc luân chuyển hồ sơ, kết quả giữa các cơ quan chuyên môn và UBND tỉnh, UBND cấp huyện được thực hiện thông qua Bộ phận Một cửa theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Để chấm dứt tình trạng hồ sơ TTHC chậm xử lý, tồn đọng quá hạn qua nhiều năm trên Hệ thống Một cửa điện tử (MCĐT), UBND tỉnh đã giao trách nhiệm cho các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố chấn chỉnh, chỉ đạo các đơn vị, địa phương trực thuộc xử lý các hồ sơ còn tồn đọng ở trạng thái “quá hạn chưa xử lý” trên Hệ thống MCĐT kéo dài từ trước ngày 31/12/2020 đến nay. Riêng đối với lĩnh vực Đất đai, giao Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường công tác kiểm tra, rà soát tình hình xử lý hồ sơ điện tử trên Hệ thống MCĐT. Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND cấp huyện khẩn trương xây dựng, hoàn thiện đầy đủ các quy trình tin học hóa giải quyết TTHC trong lĩnh vực đất đai áp dụng cho đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định pháp luật về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Phối hợp với Cục Thuế tỉnh xây dựng quy chế luân chuyển thông tin địa chính điện tử để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất giữa cơ quan đăng ký đất đai và cơ quan thuế...

Giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát danh mục các hồ sơ bị lỗi phần mềm, treo trên Hệ thống MCĐT để xử lý triệt để các trường hợp lỗi phát sinh trong quá trình thực hiện; kiểm tra băng thông đường truyền, tốc độ truy xuất dữ liệu, thao tác xử lý trên phần mềm; nghiên cứu, bổ sung các chức năng, tiện ích trên Hệ thống MCĐT để hoàn thiện, nâng cao chất lượng, hiệu quả, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ.

Chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với các sở ban, ngành và UBND cấp huyện tiếp tục triển khai xây dựng và phê duyệt hoặc trình UBND tỉnh phê duyệt sửa đổi, bổ sung 24 quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC theo hiệu lực thi hành, gửi Sở Thông tin và Truyền thông để kịp thời điều chỉnh quy trình điện

<sup>22</sup> Bao gồm: cấp tỉnh có: 1.504 thủ tục, cấp huyện có: 3056 thủ tục, cấp xã có: 186 thủ tục.




từ lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử. Trong đó, việc luân chuyển hồ sơ, kết quả giữa các cơ quan chuyên môn và UBND tỉnh, UBND cấp huyện được thực hiện thông qua Bộ phận Một cửa theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Quản lý và điều hành Trung tâm Hành chính công của tỉnh tiếp tục hoạt động có hiệu quả, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trong giải quyết TTHC. Đến nay, có 12 sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh và 02 cơ quan Trung ương (Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh) đã đưa TTHC vào thực hiện tại Trung tâm, với tổng số 1.066 TTHC.

UBND tỉnh đã giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với đơn vị phát triển phần mềm điều chỉnh, hoàn thiện các quy trình điện tử giải quyết TTHC; hoàn thành sửa đổi, cập nhật các biểu mẫu và chức năng thống kê về chế độ báo cáo trên Cổng Dịch vụ công/Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh trên Cổng dịch vụ công/Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh theo các quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 01/2020/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ.

#### *2.6. Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử*

UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tiếp tục tổ chức quán triệt Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử đến từng cơ quan, đơn vị, địa phương và cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý. Cụ thể như sau:

- Tăng cường gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước nhằm phòng, chống dịch COVID-19. Giao trách nhiệm cho Sở Thông tin và Truyền thông rà soát phần mềm Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh đảm bảo các tính năng yêu cầu; thường xuyên giám sát hạ tầng ứng dụng, mạng, thiết bị, máy chủ bảo mật của hệ thống quản lý văn bản và điều hành, bảo đảm các thiết bị, ứng dụng hoạt động ổn định, an toàn, an ninh thông tin, hạn chế tối đa gián đoạn trong gửi, nhận văn bản điện tử.

- Tổ chức rà soát, khẩn trương hoàn thành các nhiệm vụ tồn đọng của năm 2020 và triển khai các nhiệm vụ, chỉ tiêu của năm 2021 về triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng tại Nghị quyết số 17/NQ-CP.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng quy trình dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trình UBND tỉnh phê duyệt để xây dựng, cung cấp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh; tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ, giúp cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến khi đến giải quyết TTHC theo nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2021 của tỉnh Quảng Bình. Tính đến ngày 10/12/2021 đã xây dựng, trình UBND tỉnh đã phê duyệt 484 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và đã triển khai áp dụng trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh, trong đó, có 27 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 457 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và đang thực hiện 128 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4

thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương nhưng do các bộ, ngành Trung ương xây dựng áp dụng trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh việc xử lý hồ sơ công việc tại các cấp trên môi trường mạng để hoàn thành sớm các chỉ tiêu được giao tại Nghị quyết số 17/NQ-CP và Phụ lục II ban hành kèm theo Công văn số 5187/BTTTT-THH.

- Giao trách nhiệm cho Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo Bưu điện tỉnh Quảng Bình tăng cường kiểm tra, giám sát để đẩy mạnh việc hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tại các điểm phục vụ của Bưu điện tỉnh Quảng Bình theo chỉ đạo của Chính phủ và nhiệm vụ của UBND tỉnh giao tại Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2021 của tỉnh Quảng Bình.

- Triển khai dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên Công Dịch vụ công quốc gia theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

#### *3.1. Về rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức*

Thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020; 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo triển khai thực hiện việc rà soát, sắp xếp, tổ chức lại, kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp trưởng, cấp phó các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương<sup>23</sup>.

Trên cơ sở quy định và Đề án của các cơ quan, địa phương, Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh đã xem xét, cho ý kiến<sup>24</sup> và có Công văn số 48/BCSD-UBND ngày 25/3/2021; Công văn số 51/BCSD-UBND ngày 29/3/2021 báo cáo xin ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện sắp xếp, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính và kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp trưởng, cấp phó theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Ngày 30/3/2021, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có Công văn số 89-CV/TU thông báo ý kiến về tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.

Căn cứ Đề án của các cơ quan, các văn bản quy định, hướng dẫn và ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; ngày 31/3/2021, UBND tỉnh Quảng Bình đã ban hành Quyết định sắp xếp, tổ chức lại, giải thể các tổ chức hành chính thuộc và trực thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ.

<sup>23</sup> Công văn số 234-CV/BCSD ngày 06/10/2020 của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc rà soát, sắp xếp, tổ chức lại, kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp trưởng, cấp phó các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương; Công văn số 1854/UBND-NC ngày 13/10/2020 về việc thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại tổ chức và kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp trưởng, cấp phó các chi cục, ban, phòng, đơn vị theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ; Công văn số 2107/UBND-NC ngày 16/11/2020; Công văn số 23/UBND-NC ngày 07/01/2021; Công văn số 409/UBND-NC ngày 22/3/2021 yêu cầu các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh khẩn trương thực hiện sắp xếp, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính và kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo theo Nghị định 107/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

<sup>24</sup> Công văn số 53/BCSD-UBND ngày 29/3/2021; Công văn số 46/BCSD-UBND ngày 22/3/2021;

Theo đó, toàn tỉnh Quảng Bình có 03 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có cơ cấu tổ chức bảo đảm về tiêu chí theo Nghị định 107/2020/NĐ-CP của Chính phủ, không thực hiện sắp xếp, kiện toàn (Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải và Sở Công Thương); 17 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thực hiện sắp xếp, kiện toàn đảm bảo theo quy định.

Kết quả, giảm: 05 chi cục và 01 tổ chức hành chính tương đương Chi cục, bao gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giảm 01 Chi cục (Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản), Sở Tài nguyên và Môi trường giảm 3 Chi cục (Chi cục Bảo vệ Môi trường, Chi cục Quản lý đất đai, Chi cục Biển và hải đảo), Sở Khoa học và Công nghệ giảm 01 Chi cục (Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng), Sở Nội vụ giảm 01 tổ chức hành chính tương đương Chi cục (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh); Giảm 24 phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương thuộc sở, 26 phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương thuộc Chi cục và tương đương.

Căn cứ số lượng cấp phó của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh quy định tại điểm c, khoản 4, Điều 1, Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Đề án số 01-ĐA/TU ngày 13/3/2021 của Tỉnh ủy Quảng Bình về kiện toàn đội ngũ lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, đơn vị, địa phương gắn với tạo nguồn cán bộ nữ, cán bộ trẻ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý giai đoạn 2021-2025 và chức năng, nhiệm vụ, biên chế công chức được giao của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh đã có văn bản báo cáo xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy về khung số lượng cấp phó (Phó Giám đốc) các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.

Tỉnh Quảng Bình hiện có 20 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, số lượng Phó Giám đốc Sở và tương đương là 54 người, đảm bảo đúng theo quy định.

Thực hiện Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ ngày 14/9/2020 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc trung ương; tỉnh Quảng Bình thực hiện sắp xếp từ 100 tổ chức, xuống còn 99 tổ chức, giảm 01 tổ chức không đảm bảo tiêu chí theo quy định (sáp nhập Phòng Dân tộc thuộc UBND huyện Quảng Ninh vào Văn phòng HĐND và UBND huyện Quảng Ninh theo Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 25/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Quảng Ninh).

Việc xem xét, cho ý kiến đề án nhân sự, đại hội các tổ chức hội bảo đảm quy định hiện hành và phân cấp quản lý<sup>25</sup>.

<sup>25</sup> UBND tỉnh đã có quyết định cho phép thành lập Hội Hữu nghị VN-CB tỉnh; phê duyệt điều lệ 04 hội cấp tỉnh; Phê duyệt điều lệ sửa đổi, bổ sung Quỹ nạn nhân chất độc da cam/dioxin tỉnh; Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 22/12/2011 của UBND tỉnh về quy định các hội có tính chất đặc thù tỉnh Quảng Bình.

### 3.2. Về tổ chức chính quyền

Trong năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban bầu cử tỉnh đã bám sát Kế hoạch của Hội đồng bầu cử Quốc gia để kịp thời thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử, ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện công tác bầu cử theo quy định của pháp luật<sup>26</sup>; vì vậy, công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 ở tỉnh diễn ra đúng kế hoạch, đúng tiến độ thời gian và đảm bảo các quy định của pháp luật về bầu cử; kết quả bầu cử bảo đảm số lượng, cơ cấu, thành phần; quá trình tổ chức thực hiện cuộc bầu cử không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến cuộc bầu cử.

Căn cứ quy định và phân cấp quản lý UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh miễn nhiệm, bầu bổ sung Ủy viên UBND tỉnh nhiệm kỳ 2016-2021<sup>27</sup>, bầu cử Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên UBND tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026; đề nghị Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu cử Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026; báo cáo tổng kết hoạt động của Ủy ban nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021, phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2021-2026; báo cáo về cơ cấu tổ chức bộ máy của UBND tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026; thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp huyện nhiệm kỳ 2016-2021 và nhiệm kỳ 2021-2026.

### 3.3. Về biên chế

Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh đã ban hành quy định đổi mới trong công tác bổ nhiệm cán bộ, cụ thể: các trường hợp cán bộ trước khi được bổ nhiệm phải bảo vệ chương trình hành động trước Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh, nếu đạt yêu cầu mới được bổ nhiệm.

Căn cứ Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã quyết định giao 1.736 biên chế công chức, 20.801 biên chế sự nghiệp và 531 chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP) của Chính phủ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2021. Tổng hợp, trình Ban cán sự Đảng UBND tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả thực hiện biên chế giai đoạn 2015 -2021 và đề xuất biên chế giai đoạn 2022-2026; báo cáo đề Hội đồng nhân dân tỉnh có kết luận phương án bố trí viên chức sự nghiệp làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính. Công tác tinh giản biên chế tiếp tục được thực hiện, UBND tỉnh đã phê duyệt 78 trường hợp tinh giản biên chế, góp phần nâng cao đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

### 3.4. Về địa giới hành chính và dân vận chính quyền

---

Thẩm định hồ sơ, báo cáo Ban cán sự Đảng và trình UBND tỉnh cho phép 07 hội cấp tỉnh đại hội nhiệm kỳ 2021 - 2026.

<sup>26</sup> Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 22/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về tổ chức cuộc bầu cử ĐBQH Khóa XV và ĐB HĐND các cấp NK 2021-2026; QĐ thành lập: Ủy ban bầu cử ĐBQH Khóa XV và ĐB HĐND tỉnh NK 2021-2026; dự kiến số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị và số lượng đại biểu được bầu của mỗi đơn vị bầu cử; thành lập 2 Ban Bầu cử ĐBQH Khóa XV và 13 Ban Bầu cử Đại biểu HĐND tỉnh NK 2021-2026; chỉ đạo UBCC cấp huyện về việc tiếp tục triển khai các công việc tổ chức bầu cử.

<sup>27</sup> Miễn nhiệm 06 Ủy viên UBND tỉnh và bầu bổ sung 09 Ủy viên UBND tỉnh nhiệm kỳ 2016-2021;

UBND tỉnh đã quyết định thành lập Ban Chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện, nghiệm thu Phiếu Điều tra cơ sở hành chính bảo đảm số lượng, chất lượng; tổng hợp báo cáo tổng kết cuộc Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 theo đúng Kế hoạch của Ban chỉ đạo Trung ương, Bộ Nội vụ và Ban chỉ đạo của tỉnh.

Công tác quản lý địa giới hành chính được UBND tỉnh tăng cường chỉ đạo thực hiện và tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung của Dự án 513; UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế kỹ thuật - dự toán; điều chỉnh thời gian thực hiện Gói thầu số 1 để làm cơ sở hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ các đơn vị hành chính được sắp xếp theo Nghị quyết số 862/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và theo Dự án 513;

Công tác dân vận chính quyền được quan tâm và triển khai thực hiện kịp thời. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện công tác dân vận năm 2021; Ban cán sự Đảng UBND tỉnh đã ký kết chương trình phối hợp công tác dân vận năm 2021 với Ban Dân vận Tỉnh ủy; ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác dân vận chính quyền và Quy chế dân chủ cơ sở năm 2021. Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả phân loại chính quyền cơ sở năm 2020 và công nhận danh hiệu “Chính quyền cơ sở vững mạnh” năm 2020 đối với 99 xã, phường, thị trấn.

#### **4. Cải cách chế độ công vụ**

##### *4.1. Công tác cán bộ, công chức, viên chức*

Nhằm đổi mới trong công tác cán bộ, năm 2021, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh đã ban hành quy định những trường hợp thuộc diện Ban cán sự đảng quản lý khi đề xuất bổ nhiệm mới phải thực hiện báo cáo chương trình hành động trước tập thể Ban cán sự đảng. Trường hợp nào đạt yêu cầu mới được xem xét bổ nhiệm, những trường hợp không đạt yêu cầu Ban cán sự đảng UBND tỉnh kết luận và thông báo đề cơ quan, đơn vị thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự khác (nhân sự đã báo cáo Chương trình hành động “không đạt yêu cầu” không được tham gia để thực hiện lại quy trình giới thiệu nhân sự dự kiến bổ nhiệm).

UBND tỉnh đã quyết định ban hành quy định về phân công, phân cấp tuyển dụng, quản lý và sử dụng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; quy định số lượng, mức phụ cấp đối với Công an bán chuyên trách tiếp tục được sử dụng tham gia bảo đảm an ninh, trật tự thôn, bản trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ các quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã quyết định điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, cử kiêm nhiệm đối với 80 trường hợp cán bộ giữ các chức vụ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh quản lý (đã có 03 trường hợp báo cáo Chương trình hành động trước tập thể BCD UBND tỉnh). BCS Đảng UBND tỉnh đã có quy chế làm việc nhiệm kỳ 2021-2026; quyết định phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ thuộc diện Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh quản lý, giai đoạn 2020 - 2025; quyết định các chủ trương về điều động, bổ nhiệm cán bộ, chủ trương về sắp xếp, bố trí cán bộ thuộc diện Ban

cán sự đảng UBND tỉnh quản lý sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị định số 107 của Chính phủ.

Các chế độ, chính sách đối với CB,CC,VC và người lao động được thực hiện theo quy định<sup>28</sup>. Công tác tuyển dụng, tiếp nhận, điều động được thực hiện đảm bảo đúng quy trình. Trong năm 2021, UBND tỉnh đã thành lập Hội đồng tổ chức kỳ thi tuyển và xét tuyển khắc phục thiếu sót trong công tác tuyển dụng công chức theo Kết luận số 71-KL/TW của Bộ Chính trị; chỉ đạo Sở Nội vụ tổng hợp chỉ tiêu tuyển dụng công chức năm 2021 của các cơ quan, đơn vị, địa phương và tham mưu xây dựng Kế hoạch tuyển dụng công chức năm 2021; thẩm định kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp của các cơ quan, đơn vị; công chức cấp xã của các địa phương đảm bảo đúng quy định. Đã quyết định chuyển 11 công chức đến khối Đảng, 01 công chức đến cơ quan ngoài tỉnh; điều động 05 công chức giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương; tiếp nhận 09 công chức.

#### *4.2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức*

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 về việc giao Kế hoạch và Phân bổ kinh phí mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021. Tổng số lớp bồi dưỡng năm 2021 là 44 lớp; kinh phí 4 tỷ 152 triệu đồng, bồi dưỡng cho 4.402 lượt cán bộ, công chức, viên chức toàn tỉnh.

Trong năm 2021, mặc dù do hưởng của dịch bệnh Covid-19, UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ tình hình thực tế để tổ chức các lớp bồi dưỡng bằng hình thức trực tuyến. Đến nay, toàn tỉnh đã tổ chức 43/44 lớp, đào tạo, bồi dưỡng cho 4.202 lượt cán bộ, công chức, viên chức.

Ngoài ra, Sở Nội vụ đã tích cực tham mưu phối hợp với Vụ CCHC, Bộ Nội vụ tổ chức lớp bồi dưỡng cho hơn 1.500 cán bộ, công chức làm công tác CCHC toàn tỉnh với hình thức trực tuyến tại 194 điểm cầu,...

UBND tỉnh đã báo cáo Bộ Nội vụ nhu cầu và dự kiến kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã tại chỗ. Triển khai lấy phiếu trả lời nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo yêu cầu của Bộ Nội vụ...

#### *4.3. Thực hiện Quy tắc ứng xử trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo kỷ luật, kỷ cương hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí*

Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo thực hiện Chương trình công tác số 08-CTr/TU ngày

<sup>28</sup> Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn 48 trường hợp, thường xuyên 29 trường hợp; chuyển ngạch và xếp lương 4 trường hợp; bổ nhiệm vào ngạch công chức đối với người hoàn thành chế độ tập sự 12 trường hợp; bổ nhiệm CDNN và xếp lương cho 50 viên chức ngành y tế; chuyển ngạch thanh tra viên chính sang chuyên viên chính 02 trường hợp, thanh tra viên sang chuyên viên 04 trường hợp; thành lập Hội đồng xét chuyển ngạch và bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên, thanh tra viên chính năm 2021; chuyển xếp lương theo trình độ đào tạo mới đối với 17 cán bộ, công chức cấp xã; chuyển ngạch và xếp lương 01 công chức và 06 cán bộ, công chức cấp xã; Quyết định công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2020.

22/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phòng, chống tham nhũng. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục quán triệt, chỉ đạo thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại cơ quan, đơn vị theo Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 17/01/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chấn chỉnh và tăng cường kỷ luật, xiết chặt kỷ cương hành chính trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang tỉnh; Chỉ thị số 01/2008/CT-UBND ngày 17/3/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về nâng cao trách nhiệm và sử dụng có hiệu quả thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Hàng năm, UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, bổ sung nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị để quán triệt, triển khai đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở và sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc; cụ thể hóa trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, bảo đảm cấp dưới phục tùng sự lãnh đạo, chỉ đạo và chấp hành nghiêm chỉnh các quyết định của cấp trên. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện nghiêm túc việc xử lý trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm liên đới đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra việc cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý trực tiếp của mình có hành vi gây những phiền hà trong việc tiếp nhận và giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp.

Trong năm 2021, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo Sở Nội vụ tiếp tục kiểm tra đợt xuất việc chấp hành giờ giấc làm việc, thực hiện đeo thẻ công chức trong thực thi công vụ,...

## **5. Cải cách tài chính công**

### *5.1. Việc thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính và biên chế tại các đơn vị*

UBND tỉnh thực hiện giảm trừ kinh phí bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước, tăng dần tính tự chủ, tự đảm bảo kinh phí của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo Đề án được phê duyệt.

Thực hiện cơ chế khoán kinh phí hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước đã mở rộng hơn về quyền tự chủ của cơ quan nhà nước trong sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính, chủ động trong sử dụng kinh phí có hiệu quả, tiết kiệm để hoàn thành nhiệm vụ được giao, từng bước cải thiện thu nhập của cán bộ, công chức. Đến nay, 100% cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã được giao tự chủ.

Nhìn chung, việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, bộ máy, biên chế và tài chính đối với các cơ quan hành chính và đơn vị sự

nghiệp công lập đã tạo được sự chủ động trong việc sử dụng biên chế, kinh phí đối với các đơn vị, từ đó chất lượng xử lý công việc đã được ngày càng nâng cao, rút ngắn được thời gian giải quyết công việc, khẳng định tính đúng đắn trong việc thực hiện mở rộng cơ chế khoán đối với tất cả các cơ quan hành chính nhà nước và đoàn thể.

Đa số các đơn vị đều có tiết kiệm về biên chế và kinh phí để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức trong đơn vị. Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận, phòng ban, các cơ quan đơn vị đã chủ động bố trí đội ngũ cán bộ công chức phù hợp với năng lực công tác, trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ được giao, đồng thời tiết kiệm được biên chế; thường xuyên rà soát, điều chỉnh các quy định nội bộ nhằm thực hành tiết kiệm chi phí quản lý hành chính, tạo nguồn kinh phí tăng thu nhập cho cán bộ công chức (Ban Quản lý Khu kinh tế; Sở Tài chính; Sở Công Thương, Văn phòng UBND tỉnh...). Đối với kinh phí tự chủ, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao, nguồn kinh phí đã bố trí và các chính sách chế độ quy định hiện hành, các đơn vị tiếp tục hoàn thiện, bổ sung, sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ đồng thời tiết kiệm được kinh phí để chi thu nhập tăng thêm.

Năm 2021, đã thực hiện công khai tài chính dự toán ngân sách nhà nước theo đúng thời gian và mẫu biểu quy định. Đối với công tác kiểm tra, thẩm định quyết toán, ngay sau thời gian hoàn thành công tác quyết toán, Sở Tài chính triển khai thực hiện xét quyết toán kinh phí của các cơ quan, đơn vị theo quy định.

### *5.2. Kết quả thực hiện quản lý ngân sách, sử dụng tài sản công trên địa bàn*

UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời cho các ngành, các cấp về điều hành chi NSNN đảm bảo chặt chẽ theo đúng dự toán được duyệt, sử dụng ngân sách triệt để tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế độ quy định, lồng ghép các chính sách, xây dựng phương án tiết kiệm để thực hiện ngay từ khâu phân bổ dự toán và trong quá trình thực hiện; rà soát sắp xếp các nhiệm vụ chi, cắt giảm tối đa các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, hạn chế bố trí kinh phí đi nước ngoài. Việc mua sắm tài sản nhà nước (bao gồm cả ô tô công) phải theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, báo cáo về sắp xếp lại xe ô tô công; phương án sắp xếp trụ sở làm việc... Trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 và những khó khăn, thách thức, tỉnh Quảng Bình đã đặt ra nhiệm vụ trọng tâm là thực hiện “mục tiêu kép” vừa tập trung cao độ phòng chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân vừa triển khai thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, cố gắng duy trì sản xuất kinh doanh nhằm phục hồi phát triển kinh tế xã hội trong trạng thái bình thường mới. Một số khoản chi phát sinh đột xuất, lớn nhưng các cấp quản lý chi ngân sách nhà nước theo đúng chế độ quy định, trong phạm vi dự toán được giao đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; rà soát các chế độ, chính sách an sinh xã hội, nhất là các khoản chi cho con người để đảm bảo chi đúng đối tượng, đúng thời gian theo quy định.

Việc mua sắm tài sản nhà nước đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy

định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, báo cáo phương án, sắp xếp hoàn thành phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất đúng quy định”. Về phía các cơ quan, đơn vị sử dụng, cơ bản đã chấp hành và thực hiện đúng quy định của Luật quản lý sử dụng tài sản công và Nghị quyết số 35/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản nhà nước, không có phát sinh sai phạm trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước. Công tác mua sắm tài sản nhà nước được thực hiện theo đúng quy định, có sự theo dõi chặt chẽ của cơ quan có thẩm quyền, đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ. Trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước các cơ quan, đơn vị nêu cao tinh thần tiết kiệm chống lãng phí, thất thoát, sử dụng hiệu quả, đúng mục đích. Các thủ tục thanh lý, điều chuyển, chuyển nhượng tài sản nhà nước được thực hiện đúng theo quy định hiện hành của pháp luật.

## **6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số**

Thực hiện Chương trình hành động số 34-CTr/TU ngày 22/4/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh thông qua Đề án phát triển Chính quyền điện tử và dịch vụ đô thị thông minh tỉnh giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh; Kế hoạch số 2394/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm ATTT mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025... UBND tỉnh đã ban hành nhiều Kế hoạch để thực hiện<sup>29</sup>.

Trung tâm dữ liệu điện tử của tỉnh từng bước được nâng cấp đồng bộ, hiện đại và duy trì hoạt động ổn định, đáp ứng yêu cầu triển khai Chính quyền điện tử, Chính quyền số, như: quản trị, vận hành, khai thác, ứng dụng 10 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, đồng thời hỗ trợ cài đặt, vận hành các hệ thống, phần mềm chuyên ngành. Toàn bộ dữ liệu được sao lưu dự phòng tại Trung tâm IDC Đà Nẵng của Tập đoàn VNPT.

Công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng luôn được chú trọng, đã tổ chức thực hiện cơ bản mô hình “4 lớp” chuyên nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Toàn bộ hệ thống phần mềm và cơ sở dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu điện tử của tỉnh được sao lưu dự phòng tại Trung tâm IDC của Tập đoàn VNPT. Đã triển khai giải pháp giám sát mã độc tập trung cho toàn bộ máy chủ của Trung tâm dữ liệu điện tử của tỉnh, bảo đảm an toàn cho các Hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh. Cục An toàn thông tin đã hỗ trợ kết nối, tích hợp giải

<sup>29</sup>KH hành động số 411/KH-UBND ngày 29/3/2019 về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025, Kế hoạch 1247/KH-UBND Ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị Quyết 165/NQ-HĐND ngày 19/12/2020, Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 17/10/2019 của UBND tỉnh về việc đẩy mạnh xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình, Kế hoạch 1601/KH-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh về việc xây dựng và cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức 4 của tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2022.

pháp giám sát an toàn thông tin từ Trung tâm dữ liệu điện tử của tỉnh đến Trung tâm Giám sát An toàn không gian mạng quốc gia.

Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh được kiện toàn theo Quyết định 893/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của UBND tỉnh, có bổ sung thêm nhiệm vụ chỉ đạo hoạt động chuyên đổi số. Tất cả các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện cũng đã thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo hoặc Tổ triển khai xây dựng chính quyền điện tử. Hiện có 06/21 sở, ban, ngành cấp tỉnh có đơn vị chuyên trách CNTT có nhiều công chức, viên chức trình độ chuyên sâu về CNTT; 95% sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có bộ phận hoặc cán bộ chuyên trách/phụ trách CNTT, với 100% cán bộ chuyên trách/phụ trách có trình độ đại học CNTT trở lên. Gần 100% cán bộ, công chức hành chính nhà nước đã qua các khóa đào tạo tin học hoặc ứng dụng CNTT cơ bản. Tỷ lệ CBCC thường xuyên sử dụng Internet để xử lý công việc tại cấp tỉnh và cấp huyện là 100%, cấp xã là 85%.

Hạ tầng ứng dụng CNTT trong các cơ quan hành chính nhà nước tiếp tục được đầu tư nâng cấp. 100% sở ban ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã đã thiết lập mạng LAN và kết nối Internet cho máy tính của CBCC (trừ các máy tính phục vụ soạn thảo, lưu trữ thông tin, tài liệu mật). 100% sở ban ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã có trang thông tin điện tử. 100% cán bộ, công chức được cấp tài khoản hộp thư điện tử công vụ. Tỷ lệ văn bản được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử giữa các cơ quan HCNN đạt 73%; dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy đạt 20%. Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng đạt 80%, trong đó cơ quan cấp tỉnh 97%; cơ quan cấp huyện 89%, cơ quan cấp xã 60%. 100% cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh có giải quyết TTHC đã sử dụng hệ thống thông tin một cửa điện tử.

Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến được kết nối thông suốt, phục vụ hiệu quả các cuộc họp thường kỳ, đột xuất từ Trung ương đến 3 cấp chính quyền địa phương, đặc biệt trong công tác họp chỉ đạo triển khai phòng chống dịch bệnh Covid-19.

Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh được xây dựng cơ bản đáp ứng yêu cầu của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ và đã triển khai ứng dụng tại các cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, kết nối, liên thông với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

Hệ thống quản lý hồ sơ cán bộ, công chức viên chức được triển khai hầu hết ở các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị trực thuộc; nhiều sở, ban, ngành, địa phương đã ứng dụng có hiệu quả.

Hệ thống quản lý công tác thanh tra đã được nâng cấp thành Hệ thống quản lý công tác thanh tra, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp tục triển khai ứng dụng tại các cơ quan hành chính 3 cấp, có kết nối liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo.

Hệ thống Cơ sở dữ liệu dùng chung trên nền tảng thông tin địa lý (GIS) của tỉnh đã được xây dựng, từng bước nâng cấp, mở rộng; bước đầu đã triển khai ứng dụng cho lĩnh vực quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất.

Tiếp tục thực hiện các kế hoạch số hóa thông tin, tài liệu tại sở, ban, ngành, địa phương; đẩy mạnh khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, CSDL đã được xây dựng để cập nhật, làm mới, làm giàu dữ liệu cho các CSDL. Nhiều cơ quan, đơn vị đã xây dựng hoặc nhận chuyển giao, triển khai, ứng dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành như: các hệ thống thông tin đất đai - Vilis, địa lý - GIS, giám sát quan trắc môi trường tự động tại các điểm xung yếu... (Sở Tài nguyên và Môi trường); các hệ thống quản lý học sinh, quản lý bài giảng Elearning, quản lý thư viện điện tử, quản lý thiết bị, hỗ trợ tuyển sinh đầu cấp, quản lý văn bằng, chứng chỉ... (Sở Giáo dục và Đào tạo); các hệ thống quản lý bệnh viện, quản lý y tế cơ sở, quản lý bảo hiểm... (Sở Y tế); hệ thống quản lý đối tượng người có công và chế độ chính sách (Sở Lao động, Thương binh và Xã hội); phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch (Sở Tư pháp); các phần mềm quản lý giấy phép lái xe, quản lý xe cải tạo, giám sát tàu thuyền trên sông, quản lý cầu, quản lý phương tiện thông qua thiết bị giám sát hành trình, quản lý tài sản đường bộ, quản lý tài sản đường thủy... (Sở Giao thông Vận tải); các hệ thống, phần mềm quản lý đầu tư công, quản lý Ngân sách - Kho bạc, quản lý mã số, quản lý nguồn vốn, khai thác báo cáo quyết toán, quản lý tài sản, kế toán HCSN, kế toán ngân sách xã của ngành kế hoạch, tài chính...

Việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 vào hoạt động các cơ quan hành chính nhà nước theo yêu cầu tại Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ được tiếp tục đẩy mạnh và mang lại hiệu quả tích cực trong CCHC. Đến nay, tất cả cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh và UBND cấp huyện thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng trên địa bàn đã triển khai xây dựng, áp dụng và công bố phù hợp hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 (đạt 100%). Có 28/38 cơ quan, đơn vị (chiếm 74%) đã chuyển đổi sang phiên bản TCVN ISO 9001:2015; có 18/38 cơ quan, đơn vị (chiếm 47%) đã chuyển từ bản giấy sang áp dụng Hệ thống ISO điện tử. Nhiều cơ quan UBND cấp xã đã xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Ưu điểm**

- Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND tỉnh, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong toàn tỉnh đã quan tâm chỉ đạo, điều hành công tác CCHC sâu sát, quyết liệt, kịp thời; thường xuyên kiểm tra hoạt động CCHC của cơ quan, đơn vị mình để chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế của công tác CCHC.

- Công tác cải cách thể chế, xây dựng và thực hiện văn bản QPPL đạt nhiều kết quả tốt, việc theo dõi thi hành pháp luật được thực hiện nghiêm túc; kịp thời rà soát, xử lý tốt các văn bản QPPL theo kiến nghị của các cơ quan, đơn vị. góp phần nâng cao chất lượng thi hành pháp luật, đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Kiểm soát chặt chẽ TTHC, ban hành, công bố TTHC theo đúng quy định; thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC tại các cấp đạt tỷ lệ đúng hạn cao, đã làm cho người dân, tổ chức hài lòng

về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

- Việc sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả tiếp tục được triển khai mạnh mẽ, tinh giản biên chế thực hiện quyết liệt, hoạt động của bộ máy chính quyền hiệu lực, hiệu quả. Cơ cấu bên trong của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện được sắp xếp lại giảm đầu mối.

- Cải cách chế độ công vụ thực hiện đồng bộ, quyết liệt với cải cách tổ chức bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ CCVC. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ngày càng có chất lượng, nâng cao trình độ, năng lực rõ rệt cho đội ngũ cán bộ CCVC; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, bồi dưỡng trực tuyến đạt kết quả cao, tiết kiệm nhiều nguồn lực và hạn chế sự lây lan của dịch bệnh Covid-19. Công tác tuyển dụng, sử dụng cán bộ CCVC theo đúng quy trình, quy định của pháp luật.

- Cải cách tài chính công được lãnh đạo tỉnh, các sở, ban, ngành; các huyện, thị xã, thành phố hết sức quan tâm, nhất là giải ngân vốn đầu tư công.

- Việc xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số được quan tâm, UBND tỉnh đã thành lập ban chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hành chính cơ bản đã góp phần đặc lực trong công tác lãnh đạo quản lý, theo dõi và xử lý công việc hành chính được thông suốt.

## **2. Hạn chế**

- Vẫn còn một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự quyết liệt trong chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ CCHC.

- Về tài chính công: còn một số kế hoạch vốn đầu tư ngân sách tỷ lệ giải ngân chưa cao, một số đơn vị sự nghiệp chưa thực hiện được cơ chế tự chủ.

- Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 để giải quyết TTHC chưa cao, dịch vụ bưu chính công ích để tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC chưa được áp dụng phổ biến.

- Vẫn còn một số cơ quan, đơn vị, địa phương giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân còn chậm so với quy định.

- Người dân, tổ chức, doanh nghiệp vẫn chưa có thói quen nộp hồ sơ điện tử nên việc phát sinh hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống dịch vụ công của chiếm tỷ lệ còn thấp; công tác tuyên truyền và khuyến khích người dân, tổ chức, doanh nghiệp về dịch vụ công trực tuyến thực hiện chưa thường xuyên.

## **3. Khó khăn, vướng mắc**

- Do tình hình dịch bệnh Covid - 19 bùng phát lần thứ 4 nên công tác chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế xã hội của tỉnh gặp nhiều khó khăn, nhất là vào các tháng cuối năm, ảnh hưởng đến nhiều mặt đời sống người dân, sản xuất kinh doanh. Nhiều hoạt động tập trung chỉ đạo công tác CCHC (công tác đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra CCHC...) chưa được thực hiện theo đúng tiến độ đề ra.

- Một số thể chế và quy định của pháp luật chưa phù hợp với thực tế, còn thiếu tính khả thi. Luật, Pháp lệnh, Nghị định và các văn bản QPPL của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở trung ương ban hành ngày càng nhiều, tính ổn định không cao, thường xuyên được sửa đổi bổ sung, thay thế, một số quy định chưa phù hợp với thực tiễn. Vì vậy, quá trình áp dụng và tổ chức thi hành, theo dõi thi hành còn nhiều khó khăn đối với địa phương.

- Khối lượng văn bản quy định chi tiết ở các luật giao cho địa phương ban hành nhiều và yêu cầu phải có hiệu lực cùng thời điểm văn bản giao quy định chi tiết là khó thực hiện được, do phải có thời gian chuẩn bị, đánh giá cũng như việc thực hiện các quy trình trong xây dựng văn bản QPPL theo quy định của luật (một số trường hợp phải đợi hướng dẫn của bộ chuyên ngành).

- Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho nhiệm vụ thực hiện cải cách TTHC mức độ 3, 4 đang còn hạn chế, nhất là ở những địa bàn vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn (máy vi tính có kết nối internet, máy scan...) nên khó thực hiện các dịch vụ công mức độ 3, 4. Đồng thời, người dân chưa có thói quen ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện TTHC, mà chỉ đến trực tiếp để làm TTHC.

- Tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quy định “Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử của cơ quan có thẩm quyền có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết TTHC bằng văn bản giấy”. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, một số cơ quan, tổ chức vẫn không chấp nhận kết quả giải quyết TTHC bản điện tử của cơ quan có thẩm quyền và yêu cầu công dân phải kết quả giải quyết TTHC bằng văn bản giấy. Nguyên nhân là do các văn bản pháp luật chuyên ngành về TTHC chưa kịp sửa đổi các quy định về kết quả bản điện tử để đồng bộ, thống nhất với Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

- Hạ tầng thiết bị máy tính, kết nối mạng tại một số cơ quan, đơn vị vẫn còn thiếu về số lượng và yếu về cấu hình, chất lượng. Trung tâm dữ liệu điện tử của tỉnh dù đã được quan tâm nâng cấp, tuy nhiên chưa đạt chuẩn; năng lực xử lý và lưu trữ chưa thực sự sẵn sàng đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của chính quyền số, điện tử thương mại trong thời gian tới.

#### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022**

1. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 16/7/2021 của Chính phủ; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác CCHC của BCĐ CCHC của Chính phủ; chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 09/12/2020 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh; Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình hành động số 03-CTr/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh; Kế hoạch CCHC giai đoạn 2021-2030 của tỉnh để kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai có hiệu quả công tác CCHC năm 2022 và giai đoạn 2021 - 2030.

2. Xây dựng, tổ chức thực hiện các Kế hoạch tuyên truyền, Kế hoạch kiểm tra, Kế hoạch xác định Chỉ số CCHC các cấp; tổ chức cuộc thi tìm hiểu công tác CCHC tỉnh Quảng Bình năm 2022 với các hình thức đa dạng, phong phú.

3. Xây dựng, triển khai các Chương trình, Kế hoạch về ban hành văn bản QPPL; thẩm định, kiểm tra, rà soát hệ thống văn bản QPPL. Tiếp tục rà soát, kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp tình hình thực tiễn, tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Triển khai thực hiện đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2022 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 1582/KH-UBND ngày 04/9/2020 về số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương giai đoạn 2020 - 2025 theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh ban hành Bộ chỉ tiêu tổng hợp và Chế độ báo cáo định kỳ về tình hình kinh tế-xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh Quảng Bình; Kế hoạch số 1107/KH-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong TTHC theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Triển khai Nghị định số 107/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và các văn bản pháp luật, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ về công tác cải cách TTHC. Hoàn thành các nhiệm vụ của năm 2022 theo lộ trình Kế hoạch số 1107/KH-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Đề án Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 468/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025.

5. Theo dõi, rà soát, kịp thời tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền hủy bỏ, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới thay thế về TTHC để phù hợp với hệ thống văn bản pháp luật hiện hành; Duy trì triển khai và thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; Tăng cường công tác hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Du lịch theo Kế hoạch.

6. Sắp xếp lại, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP; thực hiện công tác cán bộ, tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức đúng quy định; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức đảm bảo trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

7. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập. Tiếp tục tiến hành cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp 100% tự chủ.

8. Tiếp tục phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành và công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin nhằm

thúc đẩy xây dựng chính quyền điện tử, từng bước phát triển chính quyền số; Xây dựng, cung cấp một số dịch vụ đô thị thông minh phục vụ đổi mới hoạt động quản lý, điều hành của Chính quyền và mang lại tiện ích thiết thực, thân thiện, an toàn, thân thiện cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; Đôn đốc các đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh chuyển đổi sang phiên bản ISO 9001:2015; tiếp tục hướng dẫn triển khai áp dụng hệ thống ISO điện tử thuộc dự án “Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO điện tử theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Quảng Bình”.

## V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

### 1. Đối với Chính phủ

- Chỉ đạo các Bộ, ngành ban hành các Đề án về CCHC quy mô quốc gia theo quy định tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 về chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 đúng lộ trình về thời gian để triển khai thực hiện đồng bộ.

- Quy định về ngân sách cho sự nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước theo Điều 63 của Luật công nghệ thông tin. Quan tâm hỗ trợ kinh phí đầu tư, xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng Chính quyền điện tử cho các địa phương khó khăn về ngân sách, trong đó có tỉnh Quảng Bình.

- Chỉ đạo các bộ, ngành Trung ương sớm hoàn thành các cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ xây dựng Chính phủ điện tử cũng như hoàn thiện các hệ thống thông tin theo quy chuẩn, tiêu chuẩn quy định, tạo điều kiện cho các tỉnh, thành phố kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin Cổng dịch vụ công/Hệ thống thông tin một cửa điện tử và các hệ thống thông tin khác.

### 2. Đối với các Bộ, ngành

- Bộ Nội vụ sớm công bố chỉ số CCHC hàng năm trong quý I để địa phương có kế hoạch khắc phục những hạn chế, tồn tại trong năm sau liền kề. Tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng CCHC cho công chức thực hiện công tác CCHC các địa phương. Xây dựng kế hoạch cử công chức thực hiện công tác CCHC học tập kinh nghiệm CCHC tại các nước ở khu vực ASEAN.

- Đề nghị Bộ Nội vụ nghiên cứu, thống nhất thời hạn giữa báo cáo CCHC và báo cáo nhiệm vụ Kiểm soát thủ tục hành chính (theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 01/2020/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ) để thống nhất thời hạn báo cáo, đảm bảo tập hợp đầy đủ các số liệu liên quan đến công tác CCHC.

- Bộ Tư pháp tham mưu Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành trong đó có quy định về phương thức yêu cầu cấp phiếu Lý lịch tư pháp bao gồm: Nộp trực tiếp, nộp thông qua người ủy quyền, qua dịch vụ bưu chính, đăng ký cấp phiếu Lý lịch tư

pháp trực tuyến và thủ tục hành chính về đăng ký cấp phiếu Lý lịch tư pháp trực tuyến có tích hợp tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác CCHC năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022, UBND tỉnh Quảng Bình báo cáo Bộ Nội vụ./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng BCD CCHC Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, NCVX, KSTTHC.

*Handwritten mark*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Thắng**



**Phụ lục**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
**TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH**

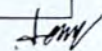
(Kèm theo Báo cáo số: *1400* /BC-UBND ngày *22*/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	26	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	26	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	27	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.1.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	07	
1.1.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	03	
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	05	
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	05	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	56	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	54	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			Năm 2020
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	480	

*E*

*Jan*

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	
<b>2.</b>	<b>Cải cách thể chế</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	61	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	11	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	196	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	45	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	45	
<b>3.</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	418	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	402	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	1.813	
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	1.451	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	202	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	160	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1.813	
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	384	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	186	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	91	
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100%	
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100%	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	Chưa có	Theo quy định các đơn vị gửi UBND tỉnh tổng hợp trước ngày 19/12/2021 để báo cáo theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và Thông tư số 01/2020/TT-VPCP
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	Chưa có	
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	Chưa có	
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	Chưa có	
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	Chưa có	
3.5.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	1.813	Trên CDVC của tỉnh
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	480	Trên CDVC của tỉnh

3

JAW

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục	40	
<b>4.</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	20	
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	1	
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị	12	
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị	696	
Trong đó	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	8	
	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	98	
	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	586	
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	6,3%	
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	1.743	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.646	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	272	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	197	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	20.801	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	20.131	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	780	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	10,3%	
<b>5.</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	21/21	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	633/696	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	231	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	6	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	20	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	13	
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	30	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	2	
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	43	
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	86	
<b>6.</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	20	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	206	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	474	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.	<b>Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số</b>			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	1	
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	1	
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.		100%	
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	1	
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		100%	
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100%	
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100%	
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100%	
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản	70%	
Trong	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử ( <i>Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i> ).	%	70%	

Lm

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	20%	
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100%	
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100%	
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100%	
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	40	
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	419	
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	37%	
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	72.4%	